TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 209/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-6-2023
V/v "không công nhận vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Huỳnh Văn Đoan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Kim Lên

Ông Nguyễn Việt Thắng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Cẩm Hường - Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 246/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 214/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Hồng N, sinh năm: 1976 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 19/5, xã K, huyện T, tỉnh C .

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn M, sinh năm: 1975 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 19/5, xã K, huyện T, tỉnh C .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Hồng N trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Lê Văn M chung sống với nhau năm 1995, không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau nên cuộc sống chung không hạnh phúc. Nay thấy không thể tiếp tục sống chung nên bà yêu cầu ly hôn với ông M.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Lê Tú Như, sinh năm 1996 và cháu Lê Minh Cảnh, sinh năm 2002. Khi ly hôn các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không có.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Văn M trình bày: Về thời gian chung sống, mâu thuẫn đúng như bà N trình bày. Trong quá trình chung sống

vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau cuộc sống chung không hạnh phúc. Nay thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà N yêu cầu ly hôn, ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con là Lê Tú Như, sinh năm 1996 và Lê Minh Cảnh, sinh năm 2002. Khi ly hôn các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định không có.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến như nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa bà Nguyễn Hồng N và ông Lê Văn M là "Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân được quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bà Nguyễn Hồng N và ông Lê Văn M có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông M.

[2] Xét thấy, giữa bà Nguyễn Hồng N và ông Lê Văn M tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1995, tuy ông bà có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định nhưng ông bà không đăng ký kết hôn là vi phạm các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình. Tại đơn khởi kiện bà N xác định do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên yêu cầu ly hôn với ông M, ông M cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N, do bà N với ông M không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định của Luật hôn nhân và gia đình, vì vậy pháp luật không công nhận bà Nguyễn Hồng N và ông Lê Văn M là vợ chồng.

[3] Con chung: Có 02 con là Lê Tú Như, sinh năm 1996 và Lê Minh Cảnh, sinh năm 2002. Khi ly hôn các con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Bà N với ông M xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình bà N phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 8, 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Hồng N và ông Lê Văn M là vợ chồng.

2. Về con chung: Cháu Lê Tú Như, sinh năm 1996 và Lê Minh Cảnh, sinh năm 2002 đã thành niên nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Bà N, ông M xác định không có nên không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Bà N, ông M khai nhận giữa ông, bà không có nợ chung, không ai nợ lại nên không đặt ra xem xét.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Hồng N phải chịu 300.000 đồng. Ngày 28/3/2023 bà N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo lai thu số 0006443 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Hồng N và ông Lê Văn M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

Huỳnh Văn Đoan